

## NGHIÊN CỨU, GIỚI THIỆU VỀ VIỆT NAM CỦA CÁC HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY

### VIETNAMESE STUDIES BY WESTERN SCHOLARS: INTRODUCTION AND KEY RESEARCH

**Đào Mục Đích\***

**Võ Thanh Hương\*\***

#### 1. Khái lược về tình hình nghiên cứu Việt Nam ở phương Tây (Pháp và Mỹ)

Việt Nam học là một ngành khoa học  *nghiên cứu Việt Nam trong tính tổng thể của nó*, một ngành khoa học  *nghiên cứu về một vùng đất, về con người ở vùng đất ấy với tất cả mối quan hệ với thiên nhiên, với lịch sử và xã hội về mọi mặt, làm nổi rõ những đặc điểm, đặc thù của Việt Nam* (Nguyễn Quang Ngọc, 2006, tr.3). Từ khi ra đời đến nay, Việt Nam học đã được nhiều thế hệ các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, trí thức, chuyên gia, tác giả người Việt Nam và người nước ngoài cùng góp sức xây dựng, củng cố và phát triển qua những tác phẩm, những công trình nghiên cứu, những công trình dịch thuật (từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài) về đất nước và con người Việt Nam.

Theo Nguyễn Quang Ngọc (2006), ngay từ thế kỷ XIII, ở Việt Nam đã xuất hiện nhiều tác giả nổi tiếng về Việt Nam học như Lê Văn Hưu (1230-1322), Nguyễn Trãi (1380-1442), Ngô Sĩ Liên (cuối thế kỷ XV), Lê Quý Đôn (1726-1784), Phan Huy Chú (1782-1840). Những tác giả này có thể được coi là những người tiên phong xây nền, đắp móng cho ngành Việt Nam học ở Việt Nam và những tác phẩm bất hủ của họ có thể được coi là “*cơ sở ban đầu hết sức quan trọng của Việt Nam học*” (Nguyễn Quang Ngọc, 2016). Có thể thấy, những tác phẩm của các tác giả trên như *Đại Việt sử ký* (1272) của Lê Văn Hưu; *Dur địa chí* (1435) của Nguyễn Trãi, *Hoàng Việt dư địa chí* (1833) và *Lịch triều hiến chương loại chí* (1821) của Phan Huy Chú; ba tác phẩm *Đại Việt thông sử* (1758), *Vân đài loại ngữ* (1773) và *Kiến văn tiểu lục* (1777) của Lê Quý Đôn đã miêu tả và khắc họa rõ nét một bức tranh sinh động và đa dạng về đất nước và con người Việt Nam trong những thế kỷ trước, ở tất cả các lĩnh vực khác nhau như: lịch sử, địa lý, thơ văn, tiếng Việt, triết học, tôn giáo, tư tưởng, hình luật, lễ nghi, phong tục, tập quán, sản vật tự nhiên, thuế, chế độ ruộng đất<sup>1</sup>.

Đến đầu thế kỷ XX, nhiều trí thức Việt Nam đã kế thừa những thành tựu nghiên cứu về Việt Nam của các học giả người Việt từ những thế kỷ trước, “*tiếp thu tri thức và phương pháp khoa học tiên tiến của phương Tây đã nâng tầm các công trình khoa học của mình*” (Nguyễn Quang Ngọc, 2016) và cùng với nhiều tác phẩm hay công trình nghiên cứu về Việt

\* Tiến sĩ, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.

\*\* Thạc sĩ, Khoa Việt Nam học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.

<sup>1</sup> *Vân đài loại ngữ* (1773) của Lê Quý Đôn và *Lịch triều hiến chương loại chí* (1821) của Phan Huy Chú được xem là những bộ bách khoa toàn thư sớm nhất của Việt Nam.

Nam của rất nhiều thế hệ các học giả người nước ngoài nói chung và các thế hệ học giả phương Tây nói riêng đã xây dựng và hình thành nên ngành Việt Nam học hiện nay.

### 1.1. Nghiên cứu Việt Nam của các học giả người Pháp

Nghiên cứu về Đông phương nói chung và Việt Nam nói riêng ở phương Tây<sup>2</sup> được hình thành và phát triển từ khoảng thế kỷ XVI-XVII, gắn liền với nhu cầu truyền giáo và các hoạt động tiếp xúc, giao lưu thương mại và chính trị của nhiều nước châu Âu với Việt Nam, với các nước Đông Á và Đông Nam Á (Nguyễn Quang Ngọc, 2006). Trong những thế kỷ này, nhiều nhà hàng hải, nhà du hành thám hiểm, nhà truyền giáo, thương gia, du khách phương Tây đã đến hoạt động, buôn bán hay du lịch tại Việt Nam. Họ đã ghi chép lại trong các tác phẩm du ký, ký sự, hay công trình nghiên cứu của mình những điều “mắt thấy tai nghe”, những điều kỳ thú về đất nước, con người, xã hội, văn hóa Việt Nam trong sự đối sánh với phương Tây và với cái nhìn của phương Tây. Nhìn chung, các tác phẩm du ký, ký sự thời kỳ này thường “mang tính chứng nhân đương đại” nghĩa là “những người viết đồng thời là những chứng nhân ở thời điểm đó, với những điều mắt thấy tai nghe” (Nguyễn Thừa Hỷ, 2016). Một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu viết về Việt Nam trong giai đoạn này gồm: Alexandre de Rhodes với *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* (1650), Cristophoro Borri với *Xứ Đàng Trong* (1621), Jean Baptiste Tavernier với *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài 1639-1645* (1681), William Dampier với *Một chuyến du hành sang Đàng Ngoài* (1688),... (Nguyễn Quang Ngọc, 2006). Bên cạnh đó, các học giả phương Tây cũng công bố những công trình nghiên cứu về tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt hay những quyển từ điển tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Ví dụ: Alexandre de Rhodes với *Báo cáo vắn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh (Linguae Annamiticae seu Tunchinensis Brevis Declaratio, 1651)* và *Từ điển Việt-Bồ-La (The Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum, Roma, 1651)*, (Nguyễn Thiện Giáp, 2007).

Trong giai đoạn từ thế kỷ XVIII và khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, số tác giả và tác phẩm về lĩnh vực Việt Nam học giảm mạnh so với thế kỷ trước do những biến động trong các mối quan hệ về chính trị, ngoại giao, thương mại,... giữa các nước phương Tây với các chính quyền phong kiến Việt Nam, cả ở Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong. Nhiều hoạt động truyền giáo, thương mại, buôn bán bị cấm và các nhà truyền giáo, các thương gia hay du khách phương Tây bị trục xuất hay rời khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, cũng xuất hiện một vài tác phẩm có giá trị về Việt Nam được biên soạn bởi các nhà truyền giáo, như: *Lịch sử tự nhiên dân sự và chính trị của xứ Đàng Ngoài (Histoire naturelle, civile et politique du Tonkin, Paris, 1778)* của Jérôme Richard; *Những ghi chép về xứ Bắc Kỳ (Notice sur le Tonquin, 1807)* của Pierre Jacques Lemonnier de la Bissachère. Ngoài ra, cũng còn một số chuyên luận hay bài báo khoa học như *Ghi chép về địa dư nước An Nam (Notes on the geography of Cochinchine, 1837)* của Jean Louis Taberd; *Địa lý về đế quốc An Nam (Geography of the Cochinchinese Empire, 1849)* của Gutglaff (Nguyễn Thừa Hỷ,

<sup>2</sup> Theo Nguyễn Quang Ngọc (2006), Việt Nam học của phương Tây thực chất và chủ yếu là Việt Nam học của Pháp.

2016). Ở lĩnh vực Việt ngữ học, một số tác giả cũng cho xuất bản những quyển từ điển song ngữ. Ví dụ, Pigneaux de Béhaine với *Từ điển Việt-La (Dictionarium Annamiticum-Latinum, Paris, 1772?)* (Nguyễn Thiện Giáp, 2007). Nhìn chung, các tác giả của những ấn phẩm về Việt Nam học trong giai đoạn này chủ yếu là các nhà truyền giáo còn lưu lại hoạt động bí mật tại Việt Nam và các tác phẩm của họ thường là kết quả của những công trình nghiên cứu công phu như khảo sát thực địa hay sưu tập những tư liệu thực địa về tất cả các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tín ngưỡng của xứ Đàng Ngoài. Trong khi đó, các tác phẩm du ký, ký sự “mang tính chứng nhân đương đại” vốn xuất hiện nhiều trong các thế kỷ trước thì hoàn toàn thiếu vắng trong giai đoạn này (Nguyễn Thừa Hỷ, 2016).

Bước sang giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX (thời kỳ Pháp thuộc), Việt Nam học của phương Tây nói riêng cũng như ngành nghiên cứu vùng Viễn Đông nói chung đã phát triển nhanh chóng và chính thức trở thành một ngành học của phương Tây. Năm 1900, Viện Viễn Đông Bác cổ (Ecole française d'Extrême-Orient) được thành lập ở Hà Nội và sau đó trở thành một trung tâm quan trọng nhất quy tụ các nhà Việt Nam học Pháp và phương Tây. Trong đó, có nhiều học giả nghiên cứu về Việt Nam nổi tiếng như Henry Maspéro, Léonard Arousseau, Léopold Cadière, Emile Gasparдонне, André Geoges Haudricourd, Madelein Colani, Pierre Gourou<sup>3</sup>,... (Nguyễn Quang Ngọc, 2006; Phan Huy Lê, 2008). Có thể nhận thấy, các ấn phẩm về Việt Nam học trong giai đoạn này thường mang tính học thuật và có giá trị khoa học cao, gồm những công trình nghiên cứu, những chuyên khảo về nhiều lĩnh vực khác nhau như văn hóa, văn học, lịch sử, địa lý, tiếng Việt, tôn giáo, dân tộc học,... và các tác giả của những ấn phẩm này là những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, giới học thuật hàn lâm, trí thức, giáo sĩ, quan chức. Theo Nguyễn Quang Ngọc (2006), Việt Nam học thời kỳ Pháp thuộc được phát triển chung trong sự phát triển của nền Đông phương học phương Tây và đóng góp vào việc nâng cao nhận thức về đất nước, con người Việt Nam. Các học giả phương Tây trong giai đoạn này thường “nghiên cứu Việt Nam trong mối quan hệ đối sánh với Trung Hoa hay Ấn Độ và nhìn chung chưa thoát khỏi quan niệm lấy châu Âu làm trung tâm” (Nguyễn Quang Ngọc, 2006, tr.1). Sau đây là một số tác phẩm tiêu biểu về Việt Nam học trong giai đoạn này ở các lĩnh vực khác nhau:

- Lịch sử: *Cuộc chinh phạt đầu tiên của người Trung Quốc ở các quốc gia An Nam: Nghiên cứu tiếp theo là ghi chú về nguồn gốc của người An Nam (La Première Conquête Chinoise des Pays Annamites: étude suivie d'une note sur les origines du peuple annamite, 1923)* của Léonard Arousseau.

- Dân tộc học và xã hội học: *Những người An Nam (Les Annamites, Paris, 1906)* của E. Diguet. Tác phẩm miêu tả về con người và xã hội Việt Nam truyền thống.

- Di tích thắng cảnh, lịch sử - tôn giáo: *Những ngôi chùa của Hà Nội (Les pagodes de Hanoi, 1887)* của Gustave Dumoutier.

- Giao thương với phương Tây: *Những người châu Âu ở nước An Nam (Les Européens en pays d'Annam, 1920)* và *Một thương điểm Anh ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII (Une*

<sup>3</sup> Xem tóm tắt tiểu sử và tác phẩm của các học giả này ở phần 2.

*factorerie Anglaise au Tonkin au XVIII<sup>e</sup>s*, BEFEO)<sup>4</sup> của Charles B. Maybon (Nguyễn Thừa Hỷ, 2016).

- Nông nghiệp và nông thôn Việt Nam: *Những người nông dân châu thổ Bắc Kỳ (Les paysans du delta Tonkinois*, Paris, BEFEO, 1936) của Pierre Gourou. Đây là tác phẩm nghiên cứu về đồng bằng Bắc Bộ (Việt Nam).

- Khảo cổ học: *Thời kỳ đồ đá ở tỉnh Hòa Bình (L'Âge de la pierre dans la province de Hoa-Binh*, 1927) của Madeleine Colani.

- Việt ngữ học: Trong giai đoạn này (giai đoạn cận đại), số học giả phương Tây nghiên cứu về tiếng Việt nhiều hơn hẳn so với các học giả Việt Nam và họ thường “vận dụng quan điểm học thuật châu Âu vào nghiên cứu tiếng Việt” (Nguyễn Thiện Giáp, 2007). Sau đây là một số tác phẩm nổi bật về Việt ngữ học:

- + Ngữ âm: *Nguồn gốc thanh điệu tiếng Việt (De l'origine des tons en Vietnamien*, 1954) của André Geoges Haudricourd; *Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An Nam. Các âm đầu (Étude sur la phonétique historique de la langue Annamite. Les initiales*, 1912) của Henry Maspéro. Hai tác phẩm quan trọng về Việt ngữ này đã làm “kẻ vạch đường trong việc phục nguyên những trạng thái cổ xưa của tiếng Việt” (Nguyễn Phú Phong, 2006); Bên cạnh đó, phải kể đến tác phẩm *Ngữ âm tiếng Việt: thổ ngữ miền Thượng Trung kỳ (Phonétique Annamite: dialecte du Haut -Annam*, 1902) của Léopold Cadière.
- + Ngữ pháp: *Những yếu tố văn phạm tiếng Annam (Éléments de grammaire Annamite*, Imprimerie Nationale, 1892) của Edouard Diguët; *Ngữ pháp tiếng An Nam (Grammaire de la langue Annamite*, Paris, 1864) của Génibrel Aubaret; *Ngữ pháp tiếng An Nam (Grammaire Annamite*, 1933) của Victor Barbier (Nguyễn Thiện Giáp, 2007).
- + Từ điển: *Nam Việt Dương Hiệp tự vị (Dictionarium Anamitico-Latinum, Serampore*, 1838) của Jean-Louis Taberd; *Tự vị An Nam-Latin (Dictionarium a Anamitico-Latinum*, 1887) của Joseph-Simon Theurel; *Tự vị La-Việt (Dictionarium Latino-Annamiticum*, 1880) của Marcel-Henri Ravier; *Tự vị Việt-Pháp (Dictionnaire élémentaire Annamite-Français*, 1868) của Legrand de la Liraye (Nguyễn Thiện Giáp, 2007).
- + Nguồn gốc tiếng Việt: *Nguồn gốc của ngôn ngữ An Nam (Les origines de la langue Annamite*, 1923) của Henri Emmanuel Souvignet; *Các ngôn ngữ Mon-Khmer - Dấu gạch nối giữa các dân tộc Trung Á và Nam Á (Les langues Mon-Khmer - Trait d'union entre les peuples de l'Asie*, 1908) của Wilhelm Schmidt (Nguyễn Thiện Giáp, 2007).

<sup>4</sup> Tác phẩm này đã được NXB Thế Giới dịch (Hà Nội, 2006).

Trong giai đoạn hiện đại (từ năm 1945 đến nay), theo Trịnh Văn Thảo (2017)<sup>5</sup>, Việt Nam học ở Pháp có một xu hướng nghiên cứu thiên về lịch sử Việt Nam thời kỳ cận đại với những tên tuổi thuộc giới học thuật hàn lâm như Jean Chesneaux, Pierre Brocheux, Daniel Hémerly, Georges Boudarel, Charles Fourniau, Philippe Devillers. Một số tác phẩm tiêu biểu về Việt Nam của giai đoạn này gồm *Lịch sử Việt Nam từ 1940 đến 1952 (L'histoire du Vietnam de 1940 à 1952, 1952)* của Philippe Devillers; *Đóng góp vào sự hiểu biết về quốc gia Việt Nam (Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne, 1955)* của Jean Chesneaux<sup>6</sup>; *Việt Nam, lịch sử và văn minh (Le Vietnam, histoire et civilisation, 1955)* của Lê Thành Khôi (sống tại Pháp) và *Đông Dương, nền thuộc địa mơ hồ (Indochine: Le colonisation ambiguë, 1858-1954, xuất bản năm 1995)* - được đánh giá là đánh dấu cho cả một thế hệ các nhà nghiên cứu - của hai tác giả Pierre Brocheux và Daniel Hémerly (Thu Hằng, 2017).

Trong số các học giả Việt Nam học người Pháp thời hiện đại, nhiều người đã được trao Giải Văn hóa Phan Châu Trinh (Giải Việt Nam học) - Giải thưởng tri ân và tôn vinh các học giả nước ngoài có những công trình nghiên cứu xuất sắc về Việt Nam hay có những công trình dịch thuật xuất sắc (dịch từ tiếng Việt ra tiếng nước ngoài). Các học giả người Pháp<sup>7</sup> được trao Giải Văn hóa Phan Châu Trinh (Giải Việt Nam học) vì đã đạt thành tựu đặc sắc về Việt Nam học bao gồm: Georges Condominas (Giải Việt Nam học (viết tắt là “G.VNH”) năm 2010), Alain Ruscio (G.VNH năm 2012), Philippe Langlet (G.VNH năm 2013), Daniel Hémerly (G.VNH năm 2018), Pierre Brocheux (G.VNH năm 2018).

Từ khi Việt Nam thực hiện chính sách Đổi mới (bắt đầu từ năm 1986), theo Pierre Brocheux (2017)<sup>8</sup> nghiên cứu về Việt Nam ở Pháp cũng hồi sinh và được đánh dấu bằng việc *Tạp chí Lịch sử Hải ngoại*, vào năm 1995, đã xuất bản một số bài viết về chính trị, tôn giáo, giáo dục và y tế với nhan đề “Đông Dương: thống trị và thỏa hiệp”. Từ năm 2005, nhiều nghiên cứu về tương tác và tiếp biến văn hóa được thực hiện, với một số tác phẩm tiêu biểu như: *Việt Nam ở khuôn mặt nữ giới (Le Vietnam au féminin/Vietnam: Women's Realities)* của G. Bousquet và Nora Taylor; *Kiến trúc Việt Nam thời thuộc địa: tư duy lại về sự lai tạo (Architectures du Vietnam colonial: Repenser le métissage)* của Caroline Herbelin; *Sân khấu Pháp và Việt Nam một thế kỷ giao lưu: tiếp nhận, phóng tác, lai tạo (Théâtres Français et Vietnamiens (un siècle d'échanges. 1900-2008): Réception, adaptations, métissage)* do Nguyễn Phương Ngọc và C. Flicker (chủ biên); *Việt Nam: một*

<sup>5</sup> Xem: Thu Hằng (2017), *Sự phát triển của ngành Việt Nam học tại Pháp* (Phòng văn GS Trịnh Văn Thảo về ngành Việt Nam học ở Pháp).

<sup>6</sup> Chesneaux là người đã đào tạo ba học trò xuất sắc, được cho là đánh dấu thời kỳ vàng son của ngành Việt Nam học tại Pháp, theo thứ tự tuổi tác là Georges Boudarel, Daniel Hémerly và Pierre Brocheux. Sau này, cả ba nhà sử học đứng đầu nhóm Nghiên cứu Lịch sử Việt Nam cận đại tại Trường Đại học Paris 7 - Diderot (Xem: Thu Hằng (2017), *Sự phát triển của ngành Việt Nam học tại Pháp* (Phòng văn GS Trịnh Văn Thảo về ngành Việt Nam học ở Pháp).

<sup>7</sup> Xem tóm tắt tiểu sử và tác phẩm của các học giả này ở phần 2.

<sup>8</sup> Xem: Nguyễn Thụy Phương (2017), *Khách quan và bình lẳng nhìn về một quá khứ đầy xung đột* (Phòng văn GS Pierre Brocheux về việc nghiên cứu Việt Nam học ở Pháp).

*lịch sử chuyển giao văn hóa (Le Vietnam, une histoire de transferts culturels)* do Hoài-Hương Aubert-Nguyễn và Michel Espagne (chủ biên), (Nguyễn Thụy Phương, 2017).

Việt Nam học ở Pháp nói chung đã hình thành và phát triển từ khoảng thế kỷ XVI-XVII đến nay. Trải qua những bước thăng trầm theo những biến động lịch sử và những mối quan hệ giữa Pháp và Việt Nam. Tuy nhiên, các thế hệ học giả Việt Nam học người Pháp, với những ngành nghề và trình độ chuyên môn khác nhau, với những xu hướng nghiên cứu về Việt Nam khác nhau ở mỗi giai đoạn lịch sử vẫn tiếp tục đóng góp những tác phẩm, những công trình dịch thuật đặc sắc, những công trình nghiên cứu chuyên sâu về Việt Nam. Những tác phẩm hay những công trình trên không chỉ góp phần vào việc thúc đẩy sự phát triển của ngành Việt Nam học nói chung mà còn giúp quảng bá đất nước, con người, xã hội, văn hóa Việt Nam ra thế giới.

### **1.2. Nghiên cứu Việt Nam của các học giả người Mỹ**

Việt Nam học ở Mỹ bắt đầu hình thành từ nửa đầu thế kỷ XX và đặc biệt phát triển trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Nhìn chung, nghiên cứu Việt Nam ở Mỹ thường kết hợp với Đông Nam Á và nghiên cứu theo hướng thiên về Việt Nam thời hiện đại (Phan Huy Lê, 2008). Đội ngũ các nhà nghiên cứu về Việt Nam ở Mỹ bao gồm các nhà khoa học, giới học thuật hàn lâm, các giáo sư đại học hay những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp và các công trình nghiên cứu của họ đều có giá trị khoa học cao. Sau đây là một số học giả Việt Nam học người Mỹ tiêu biểu:

- Alexander B. Woodside với *Vietnam and the Chinese model: a comparative study of Vietnamese and Chinese government in the first half of the nineteenth century, 1988* (*Việt Nam và mô hình Trung Hoa: Nghiên cứu so sánh chính quyền Việt Nam và Trung Hoa trong nửa đầu thế kỷ XIX*).
- David Marr với *Vietnamese Anticolonialism 1885-1925* (*Việt Nam chống thực dân 1885-1925*, xuất bản năm 1971), *Vietnamese Tradition on Trial 1920-1945* (*Truyền thống Việt Nam qua thử thách*, xuất bản năm 1981).
- John K. Whitmore với *Vietnam, Ho Quy Ly and the Ming: 1371-1421* (*Việt Nam, Hồ Quý Ly và nhà Minh: 1371-1421*, xuất bản năm 1985), *Sources of Vietnamese Tradition*, 2012, (đồng chủ biên với George Dutton và Jayne Werner).
- Keith Taylor với *The Birth of Vietnam* (*Việt Nam khai quốc*, xuất bản năm 1991) và *A History of the Vietnamese* (*Lịch sử của người Việt Nam*, xuất bản năm 2013).
- Peter B. Zinoman với *The Colonial Bastille: A History of Imprisonment in Vietnam, 1862-1940* (*Lịch sử chế độ nhà tù thực dân Pháp ở Việt Nam 1862-1940*, xuất bản năm 2001) và dịch tác phẩm văn học *Số đỏ* (*Dumb luck*) của Vũ Trọng Phụng sang tiếng Anh (với Nguyễn Nguyệt Cầm), xuất bản năm 2002.

Trong số các học giả Việt Nam học người Mỹ, nhiều người cũng đã được trao tặng Giải Văn hóa Phan Châu Trinh (Giải Việt Nam học) vì đã cống hiến cho việc nghiên cứu và

giới thiệu Việt Nam ra nước ngoài. Các học giả người Mỹ<sup>9</sup> được trao tặng giải trên, gồm: Kevin Bowen (G.VNH năm 2011), Weller Taylor (G.VNH năm 2015), Peter B. Zinoman (G.VNH năm 2016), Alexander B. Woodside (G.VNH năm 2017).

Đối với lĩnh vực Việt ngữ học, nhiều học giả người Mỹ cũng đã công bố những tác phẩm hay những công trình nghiên cứu có giá trị như:

- Murray Barnson Emeneau với *Studies in Vietnamese (Annamese) grammar* (1951), *Annamese-English Dictionary* (with Diether von den Steinen, 1945) và *Homonyms and Puns in Annamese* (1947);
- Laurence C. Thompson với *A Vietnamese Grammar* (1965), *Saigon phonemics* (1959) và *Proto-Viet-Muong phonology* (1976);
- Kenneth J. Gregerson với *A study of middle Vietnamese phonology* (1969).

Ngoài ra, nhiều công trình nghiên cứu về tiếng Việt của những người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Mỹ cũng đóng góp vào sự phát triển chung của ngành Việt ngữ học. Ví dụ:

- Nguyễn Đăng Liêm với *A contrastive analysis of English and Vietnamese* (1966), *Phonemic sequences in Vietnamese* (1967), *Phonemic syllable repertory in Vietnamese* (1967), *Cases, clauses, and sentences in Vietnamese* (1975);
- Nguyễn Đình Hòa với *Classifiers in Vietnamese* (1957), *Parallel construction in Vietnamese* (1965), *Verbs in series in Vietnamese* (1973), *Colloquial Vietnamese* (1974), *Vietnamese verbs* (1979).

Sau khi chiến tranh kết thúc và Việt Nam thống nhất vào năm 1975, Việt Nam học ở Mỹ có thời gian sa sút và nhiều học giả Việt Nam học người Mỹ phải sang giảng dạy ở Canada, Australia. Ví dụ như David Marr, Ben Kerkvliet,... (Phan Huy Lê, 2008). Khi phong trào Thế giới thứ Ba và khối Xô-viết tan vỡ, nhiều nhà Việt Nam học người Mỹ (và người Pháp) cũng dần thay đổi hoặc chuyển hướng nghiên cứu sang các lĩnh vực khác (Pierre Brocheux, 2017)<sup>10</sup>.

Vào năm 1986, chính sách Đổi mới<sup>11</sup> của Việt Nam bắt đầu được thực hiện đã tác động tích cực đến tình hình nghiên cứu Việt Nam học ở Mỹ. Trong vài thập kỷ gần đây, Việt Nam học ở Mỹ đã phục hồi với một số trung tâm Việt Nam học mới được thành lập<sup>12</sup> và với một đội ngũ các nhà Việt Nam học gồm nhiều thế hệ, trong đó có những người Mỹ gốc Việt (Phan Huy Lê, 2008). Nhiều học giả Việt Nam học người Mỹ hiện nay thường quan tâm nghiên cứu lịch sử cả cổ đại lẫn hiện đại của Việt Nam và một số cuốn sách quan

<sup>9</sup> Xem tóm tắt tiểu sử và tác phẩm của các học giả này ở phần 2.

<sup>10</sup> Xem: Nguyễn Thụy Phương (2017), *Khách quan và bình lặng nhìn về một quá khứ đầy xung đột* (Phòng văn GS Pierre Brocheux về việc nghiên cứu Việt Nam học ở Pháp).

<sup>11</sup> Một trong những sự kiện quan trọng là Việt Nam đã mở cửa các kho lưu trữ tài liệu để các nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài khai thác và tham khảo (Xem Nguyễn Thụy Phương, 2017).

<sup>12</sup> Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á được thành lập tại Đại học California ở Los Angeles và Trung tâm Việt Nam học được thành lập tại Đại học Texas (Phan Huy Lê, 2006).

trọng về lịch sử Việt Nam cũng mới được xuất bản trong những năm gần đây. Ví dụ *A History of Vietnamese* (Lịch sử của người Việt Nam), Cambridge University Press, 2013, của tác giả Keith Weller Taylor; *Vietnam: A New History* (Việt Nam: Cái nhìn lịch sử mới), Basic Books Press, 2016, của tác giả Christopher Goscha; *Vietnam: A history from earliest Times to the Present* (Việt Nam: Lịch sử từ khởi thủy cho tới hiện đại), Oxford University Press, 2017, của tác giả Ben Kiernan (Pierre Brocheux, 2017)<sup>13</sup>.

## 2. Một số tác giả người Pháp và tác phẩm của họ về Việt Nam

### 2.1. Các học giả Việt Nam học tiêu biểu trong giai đoạn thế kỷ XVI-XVII

Các học giả Việt Nam học phương Tây trong giai đoạn này thường là những người châu Âu với nhiều chức danh hay nghề nghiệp khác nhau như nhà truyền giáo, nhà du hành thám hiểm, thương nhân, du khách, ... Các tác phẩm của họ là những cuốn du ký, ký sự, hồi ký ghi chép và miêu tả về những điều mắt thấy tai nghe hay qua tiếp xúc đối thoại với người bản xứ về rất nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội của mọi tầng lớp quần chúng trong xã hội Việt Nam.

**Alexandre de Rhodes** (1591-1660): Sinh tại Avignon, miền Nam nước Pháp. Ông là một nhà truyền giáo Dòng Tên (The Society of Jesus). Alexandre de Rhodes đến Việt Nam và bắt đầu hoạt động truyền giáo tại Đàng Trong (1625-1626) và sau đó là Đàng Ngoài (1627-1644). Một số tác phẩm tiêu biểu:

- *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* (*Histoire du Royaume de Tunquin*, NXB Lyon, 1650; Nguyễn Khắc Xuyên dịch; Ủy ban Đoàn kết Công giáo, xb năm 1994)<sup>14</sup>. Cuốn sách này được chia làm hai phần với 82 chương, chủ yếu miêu tả về tình hình chính trị, quân sự, xã hội, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, giáo dục, ... và con người Việt Nam cũng như miêu tả hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ trong thời gian đó.
- *Từ điển Việt-Bồ-La* (*The Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*, Roma xuất bản, 1651). Quyển từ điển này và tác phẩm *Phép giảng tám ngày* (*Catechismus*, Roma, 1651) là hai tác phẩm đánh dấu cho sự ra đời của chữ Quốc ngữ.
- *Hành trình và truyền giáo* (*Divers voyages et missions*, NXB Cramoisy, 1653; Hồng Nhuệ dịch, NXB Tổng hợp TP HCM, 1994). Tác phẩm này miêu tả về hoạt động truyền giáo cũng như trình bày đôi nét về tình hình và một số phong tục ở Đàng Ngoài và Đàng Trong thời gian tác giả đến truyền giáo ở những nơi này.

**Cristophoro Borri** (1583-1632): Sinh tại Milan, Italia. Ông là một nhà truyền giáo Dòng Tên và cũng là một nhà toán học và thiên văn học. Đến Việt Nam (Đàng Trong) năm 1618 và sống tại Hội An từ năm 1618 đến năm 1622. Tác phẩm: *Xứ đàng trong năm 1621*<sup>15</sup>

<sup>13</sup> Xem: Nguyễn Thụy Phương (2017), *Khách quan và bình lẳng nhìn về một quá khứ đầy xung đột* (Phòng văn GS Pierre Brocheux về việc nghiên cứu Việt Nam học ở Pháp).

<sup>14</sup> Tác phẩm này được tái bản năm 2016, do NXB Khoa học xã hội và Dân trí Books ấn hành.

<sup>15</sup> Tác phẩm này có tên là *Tường trình về khu truyền giáo xứ Đàng Trong*, được viết bằng tiếng Ý và ấn hành năm 1631. "Tác phẩm đã được dịch sang tiếng Pháp, tiếng Latinh, tiếng Hà Lan, tiếng Đức, tiếng Anh vào



(Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch và chú thích, NXB Tổng hợp TP HCM, 2016). Tác phẩm được biên soạn dưới dạng hồi ký về bối cảnh lịch sử của xứ Đàng Trong. Tác phẩm gồm 11 chương, trình bày về nhiều lĩnh vực khác nhau của xứ Đàng Trong như địa lý (diện tích, khí hậu, đất đai, lãnh thổ, gia súc, dã thú,...), nông nghiệp (việc trồng lúa, mùa màng, cây ăn trái,...), văn hóa (cách sống, phong tục, tập quán, cách ăn mặc, ma chay), y học (thuốc men, Đông Y), thương mại (mua bán, hải cảng), thiên văn, hành chính, giáo dục,... và về tính cách của người Việt (được miêu tả là hiền lành, hiếu khách, quảng đại, lịch thiệp).

**Jean Baptiste Tavernier** (1605-1689): Sinh tại Pháp, ông là một thương nhân buôn bán đá quý và là nhà du hành thám hiểm. *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài* (*Relation nouvelle et singulière du Royaume de Tonquin (1639-1645)*, Paris, 1861; Lê Tư Lành dịch, NXB Thế Giới, 2006) của Jean Baptiste Tavernier được viết chủ yếu dựa vào bản thảo ghi chép về đời sống thường nhật của người Việt của người em trai của tác giả là Daniel Tavernier<sup>16</sup>.

Tập du ký gồm năm phần, trong đó phần IV miêu tả về những điều kỳ thú và hiếm kỳ về tôn giáo, tín ngưỡng, nghi lễ hôn nhân, phong cách ẩm thực, phép trị liệu, chữa bệnh dân gian và đời sống muôn mặt của mọi tầng lớp xã hội người Việt ở vương quốc Đàng Ngoài thế kỷ XVII.

**William Dampier** (1651-1715): Sinh tại Anh. Ông là một nhà thám hiểm đã từng ba lần đi vòng quanh thế giới. Ông cũng là tác giả của nhiều cuốn du ký nổi tiếng và một trong số đó là tác phẩm: *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài* (*The Voyage to Tonquin*, 1688; Hoàng Anh Tuấn dịch, NXB Thế Giới, 2006). Cuốn sách gồm năm nội dung chính, gồm *chương I: Hành trình của W. Dampier từ Achin đến Malacca và Đàng Ngoài; chương II: Điều kiện tự nhiên của Đàng Ngoài; chương III: Về cư dân bản địa, phong tục tập quán, tôn giáo và thương mại; chương IV: Về chính quyền, những người cầm quyền, binh lính và quan lại; chương V: Chuyến đi đến Tenan, hành trình đến Kẻ Chợ (Đàng Ngoài), và những sự kiện diễn ra trên đường đi.*

Nhìn chung, tác phẩm du ký nổi tiếng này đã cung cấp nhiều tư liệu quý giá về điều kiện tự nhiên, cư dân bản địa, thiết chế chính trị, quân đội, luật pháp, văn hóa, tôn giáo, thương mại, đời sống phổ phồn,... ở kinh thành Thăng Long và ở xứ Đàng Ngoài Việt Nam hồi thế kỷ XVII.

**Samuel Baron** (sinh vào khoảng giữa thế kỷ XVII) sinh ở Kẻ Chợ (Đàng Ngoài) và là một người con lai Âu-Á. Bố của ông là Hendrik Baron (một thương gia người Hà Lan) và mẹ của ông là một phụ nữ Việt Nam. Tác phẩm: *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*

---

những năm 1631-1633. Sau ba thế kỷ, ông Bonifacy năm 1931 dịch lại sang tiếng Pháp và cho in ở Tạp chí Đô Thành hiếu cô Huế tháng 7-12 năm 1931” (Báo Thanh Niên (2016), *Đàng Trong qua khảo cứu nước ngoài: Mừng vui đón mùa lứt*).

<sup>16</sup> Daniel Tavernier là một sĩ quan kiêm kế toán của công ty Đông Ấn Hà Lan. Ông đã đến Việt Nam (Kẻ Chợ, Đàng Ngoài) nhiều lần trong những năm 1639-1645.

(*A description of the kingdom of Tonqueen*, 1683; Hoàng Anh Tuấn dịch, NXB Khoa học xã hội, 2019). Đây là một trong những tác phẩm có giá trị nhất của người phương Tây viết về Việt Nam trong giai đoạn này vì tác giả đã sống nhiều năm ở Đàng Ngoài, cũng như có nhiều mối quan hệ với phủ Chúa Trịnh. Tác phẩm của ông đã cung cấp một lượng thông tin phong phú và đáng tin cậy về địa lý, văn hóa, phong tục, thể chế, luật pháp, sức mạnh quân sự, tôn giáo,... của vương quốc Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII.

Nhìn chung, các tác phẩm của các tác giả phương Tây trong giai đoạn từ thế kỷ XVI-XVII đã phản ánh mối quan hệ ngoại giao - chính trị, các hoạt động thương mại và truyền giáo của các nước châu Âu với Việt Nam cũng như miêu tả khá sinh động, với lượng thông tin phong phú, dồi dào về đời sống kinh tế - xã hội và con người Việt Nam. Mặc dù còn nhiều chi tiết được miêu tả nhầm lẫn và sai sót nhưng những tác phẩm trên không chỉ góp phần vào việc giới thiệu Việt Nam ra thế giới bên ngoài mà còn là nguồn tư liệu quý, cùng với những tác phẩm khác viết hay biên khảo về Việt Nam của các tác giả Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản,... giúp chúng ta hiểu rõ hơn bức tranh toàn cảnh của Việt Nam trong giai đoạn lịch sử này.

## **2.2. Các học giả Việt Nam học tiêu biểu trong giai đoạn thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX**

Do các mối quan hệ về kinh tế, chính trị, ngoại giao giữa Việt Nam và các nước phương Tây hầu như chấm dứt trong giai đoạn này nên số tác giả và tác phẩm viết về Việt Nam học không nhiều như ở những thế kỷ trước. Sau đây là một vài tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

**Jérôme Richard**: nhà truyền giáo thuộc Hội Thừa sai Paris (Paris Foreign Missions Society (MEP)). Tác phẩm: *Lịch sử tự nhiên dân sự và chính trị của xứ Đàng Ngoài (Histoire naturelle, civile et politique du Tonkin*, Paris, 1778). Tác phẩm này được viết dựa vào những ghi chép trong nhật ký hành trình của nhà truyền giáo Charles Thomas (1700-1703) trong thời gian ở Đàng Ngoài và Thăng Long - Kẻ chợ. Cuốn sách gồm 16 chương. Miêu tả về tất cả các lĩnh vực tự nhiên, tập tục và các ngành nghề bình dân, dân cư, kinh tế (nội thương, ngoại thương), khoa học - nghệ thuật, văn hóa, tín ngưỡng,... của xứ Đàng Ngoài.

**Pierre Jacques Lemonnier de la Bissachère** (1764-1830): nhà truyền giáo thuộc Hội Thừa sai Paris (MEP). Đến Đàng Ngoài năm 1790 và sống ở Việt Nam trong khoảng 18 năm. Tác phẩm: Tiểu luận *Những ghi chép về xứ Bắc Kỳ (Notice sur le Tonquin*, 1807). Tiểu luận này được Charles B. Maybon sưu tầm, viết lời dẫn, chú thích và cho xuất bản dưới tiêu đề *Bản tường trình về xứ Bắc Kỳ và Nam Kỳ của Đức ông De la Bissachère (La relation sur le Tonkin et de la Cochinchine de M. De la Bissachère*, Paris, 1920). Tác phẩm miêu tả về “lịch sử, cư dân, chính quyền, luật pháp, tình hình kinh tế, các đẳng cấp xã hội, đời sống vật chất, phong tục và tín ngưỡng của dân chúng Đại Việt và Bắc thành nói riêng vào thời đó” (Nguyễn Thừa Hỷ, 2016).

### 2.3. Các học giả Việt Nam học tiêu biểu trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

Giai đoạn này có thể được coi là một trong những thời kỳ phát triển nhất của Việt Nam học ở Việt Nam, với rất nhiều tác giả và tác phẩm viết về Việt Nam học. Các ký sự, phóng sự, hồi ký hay những công trình nghiên cứu về Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Sau đây là một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu:

**Léonard Arousseau** (1888-1929): Giáo sư khảo cổ học và Trung Quốc học tại trường Viễn Đông Bác cổ Pháp từ năm 1911 đến năm 1926 và làm giám đốc của trường này từ năm 1926 đến năm 1929. Ông từng làm gia sư cho Hoàng đế An Nam (Duy Tân) tại Huế. Tác phẩm: *Cuộc chinh phạt đầu tiên của người Trung Quốc ở các quốc gia An Nam: Nghiên cứu tiếp theo là ghi chú về nguồn gốc của người An Nam (La Première Conquête Chinoise des Pays Annamites: étude suivie d'une note sur les origines du peuple Annamite, 1923)*; *Khảo về cội rễ dân An Nam (Origine du Peuple Annamite, BEFEO<sup>17</sup>, 1923, trang 137-264*; Phạm Quỳnh dịch, *Nam Phong tạp chí*, số 84, tháng 6 năm 1924. Bên cạnh đó, tác giả cũng xuất bản hai công trình đáng lưu ý về lịch sử và địa lý của Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX. Đó là *Ghi chú về lịch sử và địa lý của đất nước An Nam (Notes sur l'histoire et la géographie du pays d'Annam, NXB Imprimerie d'Extreme-Orient, 1922)* và *Sur le nom de "Cochinchine" (Về tên của "Nam Kỳ", BEFEO, Année, 1924, trang 563-579)*.

**Léopold Cadière** (1869-1955): nhà truyền giáo người Pháp, thuộc hội Thừa sai Paris. Đến Huế năm 1892 và sống ở Việt Nam 63 năm. Ông được xem là một nhà bác học kiệt xuất về Việt Nam học và là một trong những người đặt nền móng và mở đường cho việc nghiên cứu Việt Nam học đầu thế kỷ XX. Tác giả là sáng lập viên của *Association des Amis du Vieux Hué* (Đô Thành hiếu cổ) và hiện nay gọi là "Hội những người bạn của cố đô Huế", được thành lập vào năm 1913 và của *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (BAVH) (Tập san Đô Thành hiếu cổ), hiện nay gọi là "Những người bạn của cố đô Huế" được thành lập vào năm 1914 (Tập chí đã xuất bản được 121 số (mỗi năm 4 số) trong thời gian 31 năm, từ năm 1914 đến 1944, chủ bút từ đầu đến cuối của tạp chí này là Léopold Cadière (Nguyễn Hữu Châu Phan, 2010). Tạp chí BAVH được đánh giá là một trong những tạp chí khoa học có giá trị nhất Đông Dương thời đó, chuyên viết về kinh thành Huế và các vùng phụ cận, lịch sử Huế và Việt Nam, nghệ thuật xứ Huế, ngôn ngữ học, dân tộc học, dân gian xứ Huế,... Từ năm 1995, NXB Thuận Hóa đã khai thác và dịch ra tiếng Việt toàn bộ *Tập san Đô Thành hiếu cổ*, công trình gồm có 31 tập (mỗi năm một tập từ 1914 đến 1944). Đây là một bộ sưu tập có giá trị, góp phần vào việc nghiên cứu Huế và triều Nguyễn (Nguyễn Đình Đầu, 2010).

Tác phẩm: Léopold Cadière đã viết khoảng 250 công trình nghiên cứu về nhiều lĩnh vực như lịch sử, ngôn ngữ (Việt ngữ học), văn hóa, dân tộc học, địa lý, nhân học, tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam, mỹ thuật, nghệ thuật và trong số đó, có nhiều công trình nghiên cứu về Huế. Sau đây là một số công trình nghiên cứu quan trọng của tác giả về một số lĩnh vực:

<sup>17</sup> BEFEO: Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient [Báo của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp].

**Về lịch sử:** *Première étude sur les sources Annamites de l'histoire d'Annam* (1904) (Nghiên cứu đầu tiên về nguồn gốc An Nam trong lịch sử của An Nam), BEFEO, 4/3, pp.617-671. Nghiên cứu này được tiến hành với sự cộng tác của Paul Pelliot; *Tableau chronologique des dynasties Annamites* (1905) (Niên biểu các triều đại Việt Nam), BEFEO, 5/1-2, pp.77-145; *Le mur de Đông-hoi: étude sur l'établissement des Nguyễn en Cochinchine* (1906) (Lũy Đông Hới nghiên cứu về sự thành lập Nhà Nguyễn ở phương Nam), BEFEO, 6/1-2, pp.87-254. Bài viết này đã giúp rất nhiều cho các sử gia khi nghiên cứu về sự phát triển của Việt Nam về đồng bằng sông Cửu Long (Gérard Moussay, 2010); *Les Français au service de Gia-Long* (từ năm 1917 đến năm 1926) (*Những người Pháp phụng sự Gia Long*). Tác phẩm này trình bày về những nhân vật như J.B.Chaigneau, Vanier, De Forcant, Olivier, Manuel, Michel Đức Chaigneau, Louis Eugène Chaigneau, Giám mục Pigneau de Béhaine (Giám mục Bá Đa Lộc),... (Nguyễn Đình Đầu, 2010); *Introduction à l'étude l'Annam et du Champa* (1934) (*Hướng dẫn nghiên cứu về Việt Nam và Champa*) và *L'Annam* (1931) (*An Nam*). Hai tác phẩm này trình bày khái lược lịch sử Việt Nam thời cận đại, cũng như tương đối đầy đủ về lịch sử và một số đề tài chủ yếu của vương quốc Champa (Nguyễn Đình Đầu, 2010).

**Về ngôn ngữ học**<sup>18</sup>: *Phonétique annamite (dialecte du Haut-Annam)* (Ngữ âm tiếng Việt (phương ngữ miền Trung)) được Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp xuất bản năm 1902. Cuốn sách này được xem là một công trình đầu tiên về phương ngữ học tiếng Việt và trình bày hình ảnh rõ nét về phương ngữ miền Trung đầu thế kỷ XX. Sách gồm có ba phần chính: Phần I. Chuyển hóa nguyên âm, Phần II. Chuyển hóa phụ âm, Phần III. Chuyển hóa thanh điệu (Vương Hữu Lễ - Hoàng Dũng, 2011); *Monographie de la semi-voyelle labiale en sino-annamite et en Annamite* (1908) (*Chuyên khảo về bán nguyên âm môi trong tiếng Hán Việt và tiếng Việt*); *Syntaxe de la langue Vietnamienne* (1958) (*Cú pháp tiếng Việt*), Paris, EFEO<sup>19</sup>; *Le dialecte du bas-Annam* (1911) (*Phương ngữ miền hạ An Nam*), BEFEO, Année 1911, pp.67-110; *L'Annam* (1931) (*An Nam*) và *Hướng dẫn nghiên cứu về Việt Nam và Champa*, tiếng Việt, tiếng Chăm và chữ viết của chúng là đối tượng nghiên cứu của hai tác phẩm này (Nguyễn Đình Đầu, 2010).

**Về tôn giáo và tín ngưỡng của người Việt:** *Croyances et dictons populaires de la vallée du Nguôn-Sôn* (1901) (*Các tín ngưỡng và ngạn ngữ dân gian ở thung lũng Nguôn Sơn*); *Croyances et pratiques religieuses des Việtnamiens* (Hanoi, 1944; 1955; 1956) (*Tín ngưỡng và thực hành tôn giáo của người Việt Nam*); *La famille et la religion en pays Annamites* (1930) (*Gia đình và tôn giáo ở các xứ An Nam*), BAVH, 4; *Introduction à l'étude l'Annam et du Champa* (1934) (*Hướng dẫn nghiên cứu về Việt Nam và Champa*); *Philosophie populaire annamite: cosmologie (Triết lý dân gian của của người An Nam: vũ trụ học)*, *Anthropos* (Vienne) 2, pp.116-127, 955-969 ; 3, pp. 248-271, [réimpr. dans *Revue Indochinoise*, Hanoi 12 (1909)]. (1907-1908).

<sup>18</sup> Theo Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng (2011), trong số 248 công trình lớn nhỏ của L. Cadière có hơn 20 công trình về ngôn ngữ học. Ngoài ra, tác giả còn có nhiều bản thảo của những công trình khác bị thất lạc.

<sup>19</sup> EFEO: École française d'Extrême-Orient [Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp].

**Về dân tộc học:** *Introduction à l'étude l'Annam et du Champa* (1934) (*Hướng dẫn nghiên cứu về Việt Nam và Champa*) và *L'Annam* (1931) (*An Nam*). Hai tác phẩm này đã khảo sát và trình bày về các tộc người Việt Nam, Chăm.

### **Về Huế và văn hóa Huế**

Léopold Cadière đã viết rất nhiều tác phẩm về nhiều lĩnh vực khác nhau của Huế như: lăng tẩm, chùa chiền, lễ tế, tôn giáo, y phục, điêu khắc, tang lễ,... và tác giả cũng được coi là một trong những nhà Huế học xuất sắc. Theo Nguyễn Hữu Châu Phan (2010), Léopold Cadière đã viết nhiều công trình về Huế và văn hóa Huế. Ví dụ: *Les Tombeaux royaux de Hué* (*Lăng tẩm vua chúa ở Huế*); *L'art à Hué* (1919) (*Mỹ thuật ở Huế*), BAVH 6; *Documents historiques sur le Nam Giao* (*Những tài liệu lịch sử về Nam Giao*); *La pagode Quốc Ân: le fondateur* (*Chùa Quốc Ân: vị sáng lập*); *Les Statues bouddhique de Hà Trung* (*Tượng Phật ở Hà Trung*); *Les Sacrifice du Nam Giao: Préface* (*Lễ tế Nam Giao: Lời nói đầu*); *La pagode Quốc Ân: Les divers supérieurs* (*Chùa Quốc Ân: các vị trụ trì*); *Le Changement de costume sous Võ Vương, ou une crise religieuse à Hué au XVIII siècle* (*Việc thay đổi y phục dưới thời Võ Vương, hay một cuộc khủng hoảng tôn giáo ở Huế vào thế kỷ XVIII*); *La statue et les autres sculptures chames de Giam Biều* (*Tượng và các điêu khắc Chăm khác ở Giam Biều*); *Sculptures Chames de Thành Trung* (*Các điêu khắc Chăm ở Thành Chung*); *Le Funéailles de Thiệu Trị, d'après Mgr. Pellerin* (*Đám tang Thiệu Trị, theo Đức cha Pellerin*) (Nguyễn Hữu Châu Phan, 2010).

Đóng góp của Léopold Cadière đối với Huế không chỉ là những bài viết nêu trên mà tác giả còn thành lập và xuất bản 31 năm liên tục *Tập san Bulletin des Amis du Vieux Hué* (*Những người bạn của cố đô Huế*) chuyên công bố các bài nghiên cứu về Huế cũng như giới thiệu Huế ra thế giới. Để kết luận, chúng tôi xin mượn lời tổng kết của tác giả Đào Hùng về những đóng góp của Léopold Cadière đối với Việt Nam và Huế, đăng trên *Tạp chí Xưa và Nay* số 16 (6/1995) như sau:

“*Có thể nói tư tưởng của linh mục Cadière đã mở đường cho những người nghiên cứu Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đáng cho tất cả những ai quan tâm đến môn Việt Nam học, dù là người Việt hay người nước ngoài, phải kính cẩn suy ngẫm. Ông đã đem lại những hiểu biết sâu sắc về dân tộc Việt Nam, một dân tộc mà nhiều nhà nghiên cứu trước đây từng nghĩ rằng đã hoàn toàn Hán hóa, không có cá tính...*”.

**André Geoges Haudricourd** (1911-1996): Là nhà thực vật học, nhà nhân chủng học và ngôn ngữ học. Tình nguyện đến làm việc tại Trường Viễn Đông Bác cổ tại Hà Nội từ năm 1948 đến năm 1949. Lĩnh vực nghiên cứu: ngữ âm lịch sử tiếng Việt, tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ học và nhân học xã hội. Tác phẩm: *Nguồn gốc thanh điệu tiếng Việt* (*De l'origine des tons en Vietnamien*, 1954, *Journal Asiatique* 242, pp.69-82), *Nguồn gốc những điểm đặc biệt trong bảng chữ cái tiếng Việt* (*Origine des particularités de l'alphabet Vietnamien*, 1949, *BEFEO*, 3, pp.61-68; *Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á* (*La place du Vietnamien dans les langues Austroasiatiques*, 1953); *Nguyên âm ngắn của tiếng Việt* (*Les voyelles brèves du Vietnamien*, 1952).

**Madeleine Colani** (1866-1943): nhà khảo cổ học người Pháp. Đến Việt Nam năm 1899 để dạy học, sau đó về Pháp năm 1914. Năm 1929, bà làm việc cho Viện Viễn Đông Bác cổ. Tại Việt Nam, bà đã thực hiện nhiều khảo sát khảo cổ tại Nghệ An, Quảng Bình, Vĩnh Hạ Long và có nhiều đóng góp cho ngành khảo cổ học Việt Nam và nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh. Tác phẩm: *Thời kỳ đồ đá ở tỉnh Hòa Bình (L'Âge de la pierre dans la province de Hoa-Binh, 1927)*.

**Pierre Gourou** (1900-1999): Thạc sĩ sử học và địa lý học, Tiến sĩ văn chương, giáo sư và chủ tịch tổ chức nghiên cứu về thế giới nhiệt đới tại Collège de France (1947-1970). Đồng sáng lập Tạp chí Nhân chủng học, Pháp năm 1961. Lĩnh vực nghiên cứu: nông thôn Đông Dương, đặc biệt là đồng bằng Bắc Bộ (Việt Nam) và địa lý nhiệt đới ở châu Á và châu Phi. Tác phẩm: *Những người nông dân châu thổ Bắc Kỳ (Les paysans du delta Tonkinois, Paris, BEFEO, 1936)*; Tác phẩm này đã được NXB Trẻ, kết hợp với Đại sứ quán Cộng hòa Pháp tại Việt Nam, Trung tâm Ngôn ngữ và Văn minh Pháp xuất bản năm 2015). Tác phẩm này được xem là một tác phẩm đặc sắc nghiên cứu về châu thổ sông Hồng, về địa lý nhân văn; *Bắc Kỳ (Le Tonkin, Paris, Exposition Coloniale Internationale, 1931)*; *Nhà ở Việt Nam - miền Tây và Trung Trung Kỳ (Esquisse d'une étude de l'habitation annamite dans l'Annam septentrional et central, Paris, BEFEO, 1936)*; *Sử dụng đất ở Đông Dương thuộc Pháp (L'utilisation du sol en Indochine Française, Paris, Centre d'Études de Politique Étrangère, 1940)*; *Đất và người ở Viễn Đông (La terre et les hommes en Extrême-Orient, Paris, Flammarion, 1940)*; *Lúa và văn minh (Riz et civilisation, Paris, Fayard, 1984)*.

#### 2.4. Các học giả Việt Nam học tiêu biểu trong giai đoạn hiện nay

**George Louis Condominas** (1921-2011): nhà dân tộc học, người Pháp. Sinh tại Hải Phòng, Việt Nam. Cha là người Pháp và mẹ là người mang ba dòng máu Bồ Đào Nha, Hoa, Việt. Lấy bằng cử nhân văn khoa năm 1947 (Paris), trình luận án tiến sĩ khoa học nhân văn ở Đại học Sorbonne (Paris) năm 1970. Được bầu làm thành viên danh dự của Viện Viễn Đông Bác cổ (EFEO) năm 2007. Được trao tặng thưởng huy chương của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam năm 2006 và được tặng Giải Việt Nam học năm 2010. Tác phẩm: *Chúng tôi đã ăn rừng đá thân Gôo (Nous avons mangé la forêt de la Pierre-Génie Gôo, Paris, 1954)* và *Kỳ lạ mỗi ngày (L'Exotique est quotidien, Sar Luk, Vietnam Central, Paris, 1965)*. Hai tác phẩm này được coi là các cuốn sách kinh điển của ngành dân tộc học.

**Alain Ruscio** (sinh năm 1947, tại Pháp): Nhà sử học và nhà báo. Tốt nghiệp cử nhân Lịch sử tại Đại học Sorbonne, Pháp năm 1972. Bảo vệ luận án tiến sĩ tại Đại học Sorbonne năm 1984 với đề tài *Les communistes Français et la guerre d'Indochine, 1945-1954 (Những người cộng sản Pháp và cuộc chiến tranh Đông Dương 1945-1954)*. Được trao tặng Giải Việt Nam học năm 2012. Ông hiện là giám đốc Trung tâm Thông tin và Tư liệu về Việt Nam (Centre d'Information et de Documentation - CID). Tác phẩm: *Những người cộng sản Pháp và chiến tranh Đông Dương, 1944-1954 (Les communistes français et la guerre d'Indochine, 1944-1954, Paris, Éd. L'Harmattan, 1985)*; *Chiến tranh Pháp ở Đông Dương (1945-1954) (La guerre française d'Indochine (1945-1954), Bruxelles, Ed.*

Complexe, Coll. La Mémoire du Siècle, 1992); *Điện Biên Phủ, Huyền thoại và thực tiễn, 1954-2001. 50 năm đăm mê của Pháp* (*Dien Bien Phu. Mythes et réalités, 1954-2004. Cinquante ans de passions Françaises* (en collaboration avec Serge Tignères), Paris, Éd. Les Indes savantes, 2005); *Võ Nguyên Giáp, một cuộc đời* (sách về các cuộc tọa đàm) (*Vo Nguyen Giap une vie* (propos recueillis par Alain Ruscio, Hanoi, 1979-2008), Paris, Les Indes savantes, 2010).

**Philippe Langlet** (sinh năm 1935): Bảo vệ luận án tiến sĩ về Lịch sử Việt Nam năm 1969, tiến sĩ khoa học về Đông phương học, lịch sử Việt Nam năm 1988. Ông là chuyên gia về lịch sử Phật giáo Việt Nam và nguyên là Giáo sư Khoa Ngôn ngữ và Văn minh Đông Á tại Đại học Paris 7 Denis Diderot. Được tặng Giải Việt Nam học năm 2013. Tác phẩm: *Địa đồ lịch sử sáu tỉnh miền Nam Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX (bản vẽ và bảng biểu thống kê của thời trước)* (*Atlas historique des six provinces du Vietnam du milieu du XIXe siècle (croquis et statistiques anciennes)*, đồng tác giả với bà Quách Thanh Tâm<sup>20</sup>, xuất bản năm 2001); *Giới thiệu lịch sử Việt Nam đương đại (1975-2001)* (*Introduction à l'histoire de Vietnam contemporain (1975-2001)*, đồng tác giả: Quách Thanh Tâm, NXB Les Indes Savantes, Paris, 2001); *Thiền Tông. Một tác phẩm của các nhà sư Phật giáo ở Việt Nam cổ đại* (Dịch, giới thiệu và chủ giải), (*L'Ecole de l'Esprit. Un livre des moines bouddhistes dans le Vietnam d'autrefois*, NXB Aquilon, Paris, 2005); *Minh triết Phật giáo ở thời kỳ đầu của Việt Nam (trước thế kỷ XII)* (*La sagesse bouddhiste aux débuts du Vietnam (avant le XIIIe siècle)*, NXB Les Indes Savantes, Paris, 2012).

**Daniel Hémerly** (sinh năm 1932, Arras, Pháp): Nhà sử học, chuyên gia về lịch sử của bán đảo Đông Dương. Đã nghỉ hưu và hiện là giảng viên danh dự tại Đại học Paris VII-Denis Diderot. Được tặng Giải Việt Nam học năm 2018. Tác phẩm: *Đông Dương, nền thuộc địa mơ hồ* (*Indochine: Le colonisation ambiguë, 1858-1954*, xuất bản năm 1995) đồng tác giả với Pierre Brocheux. *Các nhà cách mạng Việt Nam và chính quyền thuộc địa ở Đông Dương - Cộng sản, Trokiste, Quốc gia chủ nghĩa ở Sài gòn từ 1932 đến 1937* (*Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine. Communistes, trotskystes, nationalistes à Saigon de 1932 à 1937*, Paris, François Maspero, 1975); *Hồ Chí Minh - Từ Đông Dương đến Việt Nam* (*Ho Chi Minh. De l'Indochine au Vietnam*, Gallimard, 1990).

**Pierre Brocheux** (sinh năm 1931): Cha là người Pháp và mẹ là người Việt. Ông là nhà sử học (chuyên gia về lịch sử Đông Nam Á và Việt Nam), giảng viên Đại học Paris-Diderot (1970-1977). Tổng biên tập **Tạp chí Lịch sử hải ngoại** của Pháp (1989-2001). Được trao Giải Việt Nam học 2018. Tác phẩm: *Ho Chi Minh, du révolutionnaire à l'icône* (*Hồ Chí Minh, Từ nhà cách mạng tới một biểu tượng*, 2003); *Một lịch sử kinh tế Việt Nam. 1850-2007: Cây đôn gánh và chiếc xe tải* (*Une histoire économique du Viet Nam. 1850-2007. La palanche et le camion*, 2009); *Châu thổ sông Cửu Long - Sinh thái, kinh tế và cách mạng*

<sup>20</sup> Bà Quách Thanh Tâm là phu nhân của ông Philippe Langlet. Cho đến năm 2003, bà Quách Thanh Tâm và ông Philippe Langlet lập một thư mục về lịch sử và văn minh Việt Nam tập hợp được 3.055 đầu sách bằng tiếng Việt, Pháp và Anh, bao gồm cả sách chữ Hán đã dịch ra tiếng Việt (Phan Huy Lê, 2008).

(*The Mekong Delta. Ecology, economy and revolution. 1860-1960*, 2009); *Lịch sử Việt Nam - Quốc gia có sức chống chịu mạnh mẽ (Histoire du Vietnam contemporain. La nation résiliente*, 2011), *Đông Dương, nền thuộc địa mơ hồ (Indochine: Le colonisation ambiguë*, 1858-1954, xuất bản năm 1995) đồng tác giả với Daniel Hémerly.

### 3. Một số học giả Việt Nam học người Mỹ tiêu biểu

Trong phần này, chúng tôi sẽ giới thiệu tiểu sử và các tác phẩm hay công trình nghiên cứu của tiêu biểu của một số học giả người Mỹ nổi bật trong giai đoạn hiện nay.

**Kevin Bowen** (sinh năm 1949): Nhà thơ, Giáo sư Tiến sĩ văn chương, cựu giám đốc Trung tâm William Joiner (Đại học Massachusetts). Cựu binh (tham chiến tại Việt Nam 1968-1969). Được trao tặng Giải Việt Nam học 2011<sup>21</sup>. Tác phẩm: Các tuyển tập thơ đã xuất bản: *Chơi bóng rổ với Việt Cộng (Playing basketball with the Viet Cong*, Curbstone, 1994); *Dạng thức khẩn cầu ở khách sạn Edison (Forms of prayers at hotel Edison*, Curbstone Press, 1998); Tuyển tập dịch thơ: *Thơ Thiền Lý - Trần (Zen poems from Early Vietnam*, 2005 - đồng tác giả với Nguyễn Duy và Nguyễn Bá Chung); *Sông núi: Thơ Việt Nam từ hai cuộc chiến (Mountain river: Vietnamese poetry from the wars*, University of Massachusetts Press, 1998, đồng chủ biên với Bruce Weigl và Nguyễn Bá Chung); Tuyển tập dịch văn học Việt Nam: *Viết giữa hai dòng - Về chiến tranh và hậu quả chiến tranh (Writing between the lines – an anthology on war and its social consequences*, University of Massachusetts Press, 1997 - Đồng chủ biên với Bruce Weigl).

**Keith Weller Taylor** (sinh năm 1946): Lấy bằng tiến sĩ về Lịch sử tại Đại học Michigan năm 1976, Giáo sư tại Khoa Nghiên cứu Châu Á, Đại học Cornell từ năm 1989. Được trao tặng Giải Việt Nam học năm 2015. Từng là giáo sư thỉnh giảng tại Singapore, Nhật Bản. Cựu binh (tham chiến tại Việt Nam 1970-1971). Tác phẩm: *Lịch sử của người Việt Nam (A history of Vietnamese*, Cambridge University Press, 2013); *Việt Nam khai quốc (The Birth of Vietnam*, University of California Press, 1991).

**Peter B. Zinoman** (sinh năm 1965): Giáo sư Lịch sử và Đông Nam Á, Trưởng khoa Lịch sử, Đại học California, Berkeley (Mỹ). Đồng chủ biên *Tạp chí Việt Nam học (Journal of Vietnamese Studies)* (từ 2005 đến nay). Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á (2003-2008). Được trao tặng Giải Việt Nam học năm 2016. Tác phẩm: *Lịch sử chế độ nhà tù thực dân Pháp ở Việt Nam 1862-1940 (The Colonial Bastille: A History of Imprisonment in Vietnam, 1862-1940*, University of California Press, 2001). *Cộng hòa thuộc địa của người Việt: Viễn kiến chính trị của Vũ Trọng Phụng (Vietnamese Colonial Republican: The Political Vision of Vu Trong Phung*, University of California Press, 2014). Đồng dịch giả với Nguyễn Nguyệt Cầm: tiểu thuyết *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng (*Dumb luck: A novel by*

<sup>21</sup> Phát biểu trong lễ trao giải thưởng Việt Nam học: Trao giải thưởng Phan Châu Trinh cho Kevin Bowen (và qua đó cũng là cho Trung tâm William Joiner) là vinh danh văn hóa, vinh danh một con người và một tổ chức đã đem những giá trị văn hóa đích thực phục vụ cho những mục đích tốt đẹp nhất là hòa bình, hòa giải, tình yêu và hạnh phúc trong những hoàn cảnh khó khăn nhất ngày nay (<http://quyphanchautrinh.org/giai-phan-chau-trinh/ChiTiet/760/giai-viet-nam-hoc?nam=43&bc=56>).



*Vu Trong Phung*, University of Michigan Press, 2002). Công trình dịch thuật đặc sắc này đã góp phần giới thiệu Vũ Trọng Phụng với giới nghiên cứu Mỹ.

**David George Marr** (sinh năm 1937): Nhà sử học, chuyên về lịch sử hiện đại của Việt Nam. Lấy bằng tiến sĩ tại Đại học California, Berkeley năm 1986. Cựu binh (tham chiến tại Việt Nam 1962-1963). Giáo sư Đại học California, Berkeley và Giáo sư dự khuyết (Assistant Professor) tại Đại học Cornell từ 1969 đến 1972. Đồng Giám đốc Trung tâm Tư liệu Đông Dương (Washington và Berkeley) từ 1971 đến 1975. Năm 1975, ông chuyển đến Australia và là Giáo sư tại Trường Nghiên cứu Thái Bình Dương, Đại học Quốc gia Australia, Canberra. Hiện nay là Giáo sư danh dự và thỉnh giảng tại Trường Văn hóa, Lịch sử và Ngôn ngữ, Đại học Châu Á và Thái Bình Dương, Đại học Quốc gia Úc. Tác phẩm: *Việt Nam chống thực dân 1885-1925 (Vietnamese Anticolonialism 1885-1925)*, University of California Press, 1971), *Truyền thống Việt Nam qua thử thách (Vietnamese Tradition on Trial 1920-1945)*, University of California Press, 1981); *Việt Nam 1945: Sự tìm kiếm quyền lực (Vietnam 1945: The Quest for Power)*, University of California Press, 1995); *Việt Nam: Nhà nước, chiến tranh và cách mạng, (Vietnam: State, war and revolution (1945-1946)*, University of California Press, 2013).

**Alexander B. Woodside** (sinh năm 1938): Quốc tịch Canada. Tốt nghiệp Đại học Toronto năm 1960. Lấy bằng tiến sĩ ở Đại học Harvard (Mỹ) với đề tài luận án *Việt Nam và mô hình Trung Hoa* (được NXB Đại học Harvard xuất bản vào năm 1971). Giáo sư Lịch sử Việt Nam và Trung Quốc tại Đại học Harvard từ 1969 đến 1975. Trở về Canada năm 1975 và hiện nay là giáo sư Khoa Lịch sử, Đại học British Columbia, Canada. Được trao tặng Giải Việt Nam học 2017. Tác phẩm *Việt Nam và mô hình Trung Hoa: Nghiên cứu so sánh chính quyền Việt Nam và Trung Hoa trong nửa đầu thế kỷ mười chín (Vietnam and the Chinese model: a comparative study of Vietnamese and Chinese government in the first half of the nineteenth century)*, Council on East Asian Studies, Harvard University Press, 1988); *Những tính hiện đại bị đánh mất: Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc và những rủi ro của lịch sử (Lost modernities: China, Vietnam, Korea, and the hazards of world history)*, Cambridge: Harvard University Press, 2006); *Cộng đồng và cách mạng ở nước Việt Nam hiện đại (Community and revolution in modern Vietnam)*, Boston: Houghton Mifflin, 1976).

Nhìn chung, các học giả Việt Nam học người Mỹ trong giai đoạn hiện đại thuộc giới học thuật hàn lâm và nhiều người từng là cựu binh tham chiến tại Việt Nam. Họ thường giảng dạy hay nghiên cứu tại các trung tâm, khoa hay viện liên quan đến Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Các công trình nghiên cứu, dịch thuật hay sáng tác (thơ văn) của họ thường có xu hướng thiên về chiến tranh Việt Nam và hậu quả của nó, về lịch sử Việt Nam thời hiện đại và những nghiên cứu về Việt Nam thường được đặt trong bối cảnh chung của khu vực.

#### 4. Kết luận

Việt Nam học hiện nay đang phát triển theo xu thế quốc tế hóa và những thành tựu nghiên cứu của các học giả nước ngoài có thể cung cấp cho chúng ta những góc nhìn từ bên

ngoài, những cách đánh giá khách quan của bạn bè quốc tế về đất nước và con người Việt Nam. Cùng với những kết quả nghiên cứu về Việt Nam của chủ thể - các nhà nghiên cứu trong nước - sẽ giúp khám phá soi sáng thêm những đặc điểm đặc thù của Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi mong muốn có thể góp phần nhỏ vào việc thống kê và hệ thống hóa các tác giả và tác phẩm viết về Việt Nam học của phương Tây (Pháp và Mỹ), đồng thời, khái lược được một vài xu thế nghiên cứu và thành tựu nghiên cứu nổi bật về Việt Nam của các thế hệ học giả ở những nước này. Với mục đích giúp các bạn sinh viên, các nhà nghiên cứu, và những người quan tâm có thể tiếp cận, khai thác và nghiên cứu một cách thuận lợi hơn với khối lượng khổng lồ nguồn tư liệu thư tịch của phương Tây về Việt Nam học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Hùng (1995), “Linh mục Cadière một trong những người mở đầu môn Việt Nam học”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 16 (6/1995), tr.26-28.
2. Gérard Moussay (2010), “Thân thế và sự nghiệp của L. Cadière”, Hội thảo *Thân thế và sự nghiệp của Linh mục Léopold - Michel Cadière, 1869-1955*, Truy xuất từ: [http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=3038:hi-tho-cadiere-tai-than-th-va-s-nghip-ca-l-cadiere-linh-mc-gerard-moussay&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4](http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3038:hi-tho-cadiere-tai-than-th-va-s-nghip-ca-l-cadiere-linh-mc-gerard-moussay&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4).
3. Nguyễn Hữu Châu Phan (2010), “Huế: dưới con mắt L.Cadière - L.Cadière: dưới con mắt một người Huế”, Hội thảo *Thân thế và sự nghiệp của Linh mục Léopold - Michel Cadière, 1869-1955*, Truy xuất từ: [http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=3035:hi-tho-cadiere-tai-hu-di-con-mt-lcadiere-lcadiere-di-con-mt-mt-ngi-hu-nha-nghien-cu-nguyn-hu-chau-phan-2&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4](http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3035:hi-tho-cadiere-tai-hu-di-con-mt-lcadiere-lcadiere-di-con-mt-mt-ngi-hu-nha-nghien-cu-nguyn-hu-chau-phan-2&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4).
4. Nguyễn Đình Đầu (2010), “L. Cadière với Tạp chí Đô Thành hiếu cổ”, Hội thảo *Thân thế và sự nghiệp của Linh mục Léopold - Michel Cadière, 1869-1955*, Truy xuất từ: [http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=3041:hi-tho-cadiere-tai-l-cadiere-vi-tp-chi-o-thanh-hiu-c-nha-nghien-cu-nguyn-inh-u&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4](http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3041:hi-tho-cadiere-tai-l-cadiere-vi-tp-chi-o-thanh-hiu-c-nha-nghien-cu-nguyn-inh-u&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4).
5. Nguyễn Phú Phong (2006), *Nghiên cứu về nhóm ngôn ngữ Việt-Mường*, Truy xuất từ <http://vietsciences.free.fr/lichsu/lichsucacnuoc/nghiencuungonnguviet-muong.htm>.
6. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Việt Nam học ở Việt Nam: Quá trình hình thành và phát triển*, Truy xuất từ: [http://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU\\_123/276/1/Nguyen%20Quang%20Ngoc.pdf](http://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/276/1/Nguyen%20Quang%20Ngoc.pdf).
7. Nguyễn Thiện Giáp (2007), *Khái quát về sự hình thành và phát triển của Việt ngữ học* (phần 1, phần 2, phần 3), Truy xuất từ: [https://ngonngu.net/vietnguhoc\\_ntg\\_02/309](https://ngonngu.net/vietnguhoc_ntg_02/309).
8. Nguyễn Thừa Hỷ và những người khác (2016), *Nguồn tư liệu phương Tây với tiến trình lịch sử Thăng Long - Hà Nội (từ thế kỷ XVII - thời tiền thực dân qua thời Pháp thuộc)*, Truy xuất từ: <http://www.hocday.com/ngun-t-liu-th-tch-phng-ty-vi-tin-trnh-lch-s-thng-long--h-ni.html?page=3>.

9. Nguyễn Thụy Phương (2017), “Khách quan và bình lẳng nhìn về một quá khứ đầy xung đột (Phỏng vấn GS Pierre Brocheux về việc nghiên cứu Việt Nam học ở Pháp)”, Truy xuất từ: <http://tiasang.com.vn/-dien-dan/Khach-quan-va-binh-lang-nhin-ve-mot-qua-khu-day-xung-dot-10616>.
10. Phan Huy Lê (2008), “Việt Nam học thời hội nhập quốc tế”, Báo cáo tại phiên toàn thể Hội thảo quốc tế *Việt Nam học lần thứ III* do ĐHQG-HN và Viện KHXH Việt Nam phối hợp tổ chức từ ngày 5 đến 7/12/2008.
11. Thu Hằng (2017), “Sự phát triển của ngành Việt Nam học tại Pháp (Phỏng vấn GS Trịnh Văn Thảo về ngành Việt Nam học ở Pháp)”, Truy xuất từ trang: <http://vi.rfi.fr/viet-nam/20170626-su-phat-trien-cua-nganh-viet-nam-hoc-tai-phap>.
12. Vương Đình Chử (2010), “Tổng kết Hội thảo về Thân thế và sự nghiệp Linh mục Léopold-Michel Cadière”, Hội thảo *Thân thế và sự nghiệp của Linh mục Léopold - Michel Cadière, 1869-1955*, Truy xuất từ: [http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=3042:hi-tho-cadiere-tng-kt-v-than-th-va-s-nghip-linh-mc-leopold-michel-cadiere-ban-th-ky&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4](http://box5270.temp.domains/~tonggia1/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3042:hi-tho-cadiere-tng-kt-v-than-th-va-s-nghip-linh-mc-leopold-michel-cadiere-ban-th-ky&catid=3:tin-tuc-tong-giao-phan-hue&Itemid=4).
13. Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng (2011), “Đóng góp của Léopold Cadière vào phương ngữ học tiếng Việt qua tác phẩm *Ngữ âm tiếng Việt*”, Truy xuất từ: <http://vannghequangtri.blogspot.com/2011/01/ong-gop-cua-l-cadiere-va-phuong-ngu.html>.